

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 683/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thúy Hoa
- Bà Nguyễn Thị Tường Thu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1187/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2216/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vy Thị Ngọc A, sinh năm 1990

HKTT: Thôn G, xã D, tỉnh Lâm Đồng;

Tạm trú: số nhà B đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1988

HKTT: ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ;

Tạm trú: số nhà G đường Q, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2025 và lời trình bày của bà Vy Thị Ngọc A:

Bà và ông Phạm Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018 ngày 07/5/2018. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do tính cách và suy nghĩ không còn phù hợp. Giữa vợ chồng thường

xuyên bất hòa nên đã ly thân từ năm 2022. Đến nay không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Minh T.

Con chung: có hai con chung tên Phạm Hà Lan P, sinh ngày 24/01/2019 và Phạm Hải Minh Q, sinh ngày 22/7/2020. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con Phạm Hải Minh Q. Giao con Phạm Hà Lan P cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 8 năm 2025, ông Phạm Minh T trình bày:

Ông và bà Vy Thị Ngọc A đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không còn hòa hợp về suy nghĩ, tính cách. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn gắn bó chia sẻ với nhau và đã sống riêng từ năm 2022 nên ông đồng ý ly hôn bà A.

Về con chung: có hai con chung, hiện tại ông đang nuôi con Phạm Hà Lan P và bà A đang nuôi con Phạm Hải Minh Q.

Ông yêu cầu tiếp tục nuôi con Phạm Hà Lan P, đồng ý giao con Phạm Hải Minh Q cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tòa án đã triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Vy Thị Ngọc A giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông Phạm Minh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Vy Thị Ngọc A được ly hôn ông Phạm Minh T. Giao con chung Phạm Hà Lan P, sinh ngày 24/01/2019 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Phạm Hải Minh Q, sinh ngày 22/7/2020 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn đang cư trú tại phường H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: ông Phạm Minh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: xét, bà Vy Thị Ngọc Á và ông Phạm Minh T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018 ngày 07/5/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Á và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T có bản tự khai đồng ý với các yêu cầu của bà Á và đề nghị được vắng mặt.

Xét thấy, đời sống hôn nhân của bà A và ông T đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hai bên sống riêng từ năm 2022. Thời gian qua vợ chồng không còn quan tâm, gắn bó tình cảm nên không còn khả năng duy trì hạnh phúc gia đình. Bà A yêu cầu ly hôn và ông T đồng ý, không có thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: căn cứ lời khai của bà A, ông T phù hợp với bản sao Giấy khai sinh số 35/2019 ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và bản sao Giấy khai sinh số 377 ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đủ căn cứ xác định bà A và ông T có hai người con chung, Phạm Hà Lan P, sinh ngày 24/01/2019 và Phạm Hải Minh Q, sinh ngày 22/7/2020. Bà A và ông T trình bày thống nhất giao con Minh Q cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con Lan P vì con đang sống chung với ông T. Xét yêu cầu của bà A và ông T về người trực tiếp nuôi con phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con Phạm Hà Lan P cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con Phạm Hải Minh Q cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của các con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà A, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: các đương sự xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vy Thị Ngọc A:

Bà Vy Thị Ngọc A được ly hôn ông Phạm Minh T.

2. Con chung: Giao con Phạm Hà Lan P, sinh ngày 24/01/2019 cho ông Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con và Phạm Hải Minh Q, sinh ngày 22/7/2020 cho bà Vy Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà A, ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Vy Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0062130 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), đã nộp đủ.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2-TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy